

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY  
WESTERN – SAIGON BEER JOINT  
STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
Independence – Freedom – Happiness**

Số/No.: **237** /2022/WSB

(Công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng  
bán niên 2022 đã kiểm toán)

(Information disclosure of Audited  
Separate Interim Financial Statements for  
the first 6 months of 2022)

Cần Thơ, ngày **11** tháng **8** năm 2022

Can Tho, **August**... **11**..., 2022

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.  
To: STATE SECURITIES COMMISSION OF VIETNAM (SSC);  
HANOI STOCK EXCHANGE (HNX).**

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây  
Name of Organization: Western – Saigon Beer Joint Stock Company
- Mã chứng khoán: WSB  
Stock code: WSB
- Địa chỉ trụ sở: KCN Trà Nóc, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ, Việt Nam  
Address: Tra Noc Industrial Zone, Tra Noc Ward, Binh Thuy District, Can Tho City, Vietnam
- Điện thoại/Tel: 02923 843 333 Fax: 02923 843 222
- Người thực hiện công bố thông tin: Lê Đăng Khoa  
Representative of information disclosure: Le Dang Khoa
- Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ  
Type of information disclosure:  24h  72h  Request  Extraordinary  Regular

**Nội dung thông tin công bố/Content of information disclosure:**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng bán niên 2022 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG. Nội dung báo cáo bao gồm:

Western - Saigon Beer Joint Stock Company discloses information of Audited Separate Interim Financial Statements for the first 6 months of 2022 as follows:

+ Bảng cân đối kế toán;

Balance sheet;

+ Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh;

Report on business performance;

+ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;

Statements of cash flows;

+ Thuyết minh báo cáo tài chính.

Explanation of Financial Statements.

Địa chỉ đăng tải báo cáo/Website to publish: www.wsb-sabeco.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

*We hereby certify that the information provided above is true and bear the full responsibility to the law.*

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT   
**REPRESENTATIVE OF INFORMATION DISCLOSURE**

**Nơi nhận/Recipients:**

- Như trên/As above;
- Lưu HC/Saved at the Office.



**Lê Đăng Khoa**



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2022



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký  
Doanh nghiệp số**

5703000144  
1800586579

ngày 13 tháng 4 năm 2005  
ngày 13 tháng 5 năm 2022

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1800586579 ngày 13 tháng 5 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Neo Gim Siong Bennett  
Ông Trần Nguyên Trung  
Ông Phạm Đình Hùng  
Ông Nguyễn Văn Đồi  
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Bà Trần Thị Loan Anh  
Ông Đoàn Tiến Dũng  
Ông Nguyễn Văn Doanh

Trưởng ban  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Lê Đăng Khoa  
Ông Phạm Minh Quân  
Ông Võ Văn Vân

Giám đốc  
Phó Giám đốc  
Phó Giám đốc

**Người đại diện theo  
pháp luật**

Ông Neo Gim Siong Bennett  
Ông Lê Đăng Khoa

**Trụ sở đăng ký**

Khu Công nghiệp Trà Nóc  
Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy  
Thành phố Cần Thơ  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 36 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Thành phố Cần Thơ, ngày 8 tháng 8 năm 2022



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 8 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 36.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng Dịch vụ Soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam  
Báo cáo soát xét số: 22-01-00303-22-1



Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc



Chang Hung Chun  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0863-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 8 năm 2022



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>279.586.632.883</b>	<b>202.946.562.657</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>26.001.309.174</b>	<b>8.787.430.794</b>
Tiền	111		51.309.174	117.430.794
Các khoản tương đương tiền	112		25.950.000.000	8.670.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>152.230.000.000</b>	<b>140.400.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	152.230.000.000	140.400.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>73.991.602.325</b>	<b>27.891.264.888</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	5.145.869.049	1.598.311.889
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		70.827.730	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	68.774.905.546	26.292.952.999
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>26.583.552.776</b>	<b>25.460.071.741</b>
Hàng tồn kho	141		27.377.020.086	26.246.117.723
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(793.467.310)	(786.045.982)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>780.168.608</b>	<b>407.795.234</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		780.168.608	407.795.234

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>434.383.877.522</b>	<b>482.014.110.215</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>195.046.957.476</b>	<b>200.935.410.291</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	195.046.957.476	200.935.410.291
Nguyên giá	222		526.446.603.463	513.300.658.008
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(331.399.645.987)	(312.365.247.717)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		73.881.710	73.881.710
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(73.881.710)	(73.881.710)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>12</b>	<b>2.514.088.538</b>	<b>2.594.325.404</b>
Nguyên giá	231		4.011.843.370	4.011.843.370
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.497.754.832)	(1.417.517.966)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>419.274.473</b>	<b>8.741.261.818</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	419.274.473	8.741.261.818
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>220.980.715.400</b>	<b>253.280.715.400</b>
Đầu tư vào công ty con	251	7(b)	200.000.000.000	200.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	7(b)	7.000.000.000	7.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	7(b)	13.980.715.400	13.980.715.400
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7(c)	-	32.300.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>15.422.841.635</b>	<b>16.462.397.302</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	14.115.520.182	14.765.059.044
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.307.321.453	1.697.338.258
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>713.970.510.405</b>	<b>684.960.672.872</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

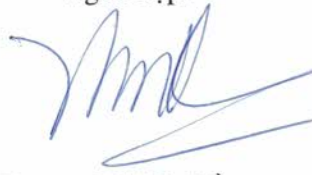
**Mẫu B 01a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>48.656.697.212</b>	<b>61.025.375.882</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>44.989.412.920</b>	<b>57.342.361.910</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	2.743.930.030	6.189.321.632
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.100.294	43.055.144
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	22.315.968.830	25.038.455.480
Phải trả người lao động	314		2.834.302.364	6.772.318.974
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		5.315.977.490	2.595.867.024
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	7.237.331.027	7.319.732.711
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	4.540.802.885	9.383.610.945
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.667.284.292</b>	<b>3.683.013.972</b>
Phải trả dài hạn khác	337		49.500.000	49.500.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	19	3.617.784.292	3.633.513.972
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>665.313.813.193</b>	<b>623.935.296.990</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>665.313.813.193</b>	<b>623.935.296.990</b>
Vốn cổ phần	411	21	145.000.000.000	145.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		145.000.000.000	145.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		177.711.446.954	177.711.446.954
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		342.602.366.239	301.223.850.036
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		283.368.844.586	236.603.910.557
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		59.233.521.653	64.619.939.479
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>713.970.510.405</b>	<b>684.960.672.872</b>

Ngày 8 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Trương Thị Mỹ Hồng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022**

Mẫu B 02a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>25</b>	<b>95.531.915.580</b>	<b>126.993.361.678</b>
<b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>	<b>11</b>	<b>26</b>	<b>81.018.607.388</b>	<b>107.306.226.036</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>14.513.308.192</b>	<b>19.687.135.642</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	55.116.166.476	48.271.594.528
Chi phí tài chính	22		19.319.178	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		19.319.178	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	6.028.380.791	7.176.171.937
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}</b>	<b>30</b>		<b>63.581.774.699</b>	<b>60.782.558.233</b>
Thu nhập khác	31		98.819.911	48.652.637
Chi phí khác	32		2.000.000	245.918.719
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>96.819.911</b>	<b>(197.266.082)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>63.678.594.610</b>	<b>60.585.292.151</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>30</b>	<b>2.387.406.871</b>	<b>2.910.639.895</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>30</b>	<b>390.016.805</b>	<b>283.787.348</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>60.901.170.934</b>	<b>57.390.864.908</b>

Ngày 8 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Trương Thị Mỹ Hồng  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa  
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>63.678.594.610</b>	<b>60.585.292.151</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		19.114.635.136	19.324.892.280
Các khoản dự phòng	03		7.421.328	(192.187.463)
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(4.399.360.628)	(3.239.902.778)
Thu nhập từ cổ tức	05		(50.716.804.666)	(45.031.690.635)
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định	05		-	220.956.197
Chi phí lãi vay	06		19.319.178	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>27.703.804.958</b>	<b>31.667.359.752</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(3.824.389.533)	(273.777.134)
Biến động hàng tồn kho	10		(1.130.902.363)	(932.685.589)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(8.764.393.473)	10.649.676.063
Biến động chi phí trả trước	12		277.165.488	(1.385.935.008)
			<b>14.261.285.077</b>	<b>39.724.638.084</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(19.319.178)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.411.030.272)	(4.037.685.239)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.490.576.072)	(5.347.440.365)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>9.340.359.555</b>	<b>30.339.512.480</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(3.589.063.565)	(1.567.192.978)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	119.090.909
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(62.250.000.000)	(67.350.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		82.720.000.000	51.360.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		12.840.217.390	17.052.474.447
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>29.721.153.825</b>	<b>(385.627.622)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2022	30/6/2021
		VND	VND

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Tiền thu từ đi vay	33	7.200.000.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.200.000.000)	-
Tiền chi trả cổ tức	36	(21.847.635.000)	(43.254.160.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(21.847.635.000)</b>	<b>(43.254.160.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>17.213.878.380</b>	<b>(13.300.275.142)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>8.787.430.794</b>	<b>26.818.706.554</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>26.001.309.174</b>	<b>13.518.431.412</b>

Ngày 8 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Trương Thị Mỹ Hồng  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa  
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

## **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TB-SGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là WSB.

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; kinh doanh chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, rượu, nước giải khát; và cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có 1 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2022: 1 công ty con và 1 công ty liên kết), chi tiết được trình bày tại Thuyết minh 7(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có 105 nhân viên (1/1/2022: 107 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng lập và phát hành riêng lẻ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

## **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

#### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

#### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

#### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### **(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.



## **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(c) Các khoản đầu tư**

##### **(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

##### **(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

##### **(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### **(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### **(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 38 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 8 năm
▪ thiết bị quản lý	2 – 10 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(h) Bất động sản đầu tư**

***Bất động sản đầu tư cho thuê***

*Nguyên giá*

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

*Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc            8 – 25 năm

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 32 đến 35 năm.



## **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

#### **(ii) Bao bì luân chuyển**

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

#### **(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

#### **(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

#### **(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

#### **Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

#### **(m) Vốn cổ phần**

##### **Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

## **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

#### **(o) Doanh thu và thu nhập khác**

##### **(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

##### **(ii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

##### **(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

##### **(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.



## **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(p) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê hoạt động nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Công ty.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời gian thuê.

#### **(q) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

#### **(r) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

#### **(s) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

#### **(t) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong kỳ trước.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

#### **4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi. Ban lãnh đạo cho rằng các phân khúc này không bị biến động theo mùa đáng kể.

#### **5. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi. Trong kỳ, hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2021 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

#### **6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	40.931.300	89.862.800
Tiền gửi ngân hàng	10.377.874	27.567.994
Các khoản tương đương tiền	25.950.000.000	8.670.000.000
	<hr/>	<hr/>
	26.001.309.174	8.787.430.794

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất từ 3,4% đến 3,8% một năm (1/1/2022: 3,2% đến 3,5% một năm).

#### **7. Các khoản đầu tư tài chính**

##### **(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới mười hai tháng kể từ ngày báo cáo. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 5,2% đến 5,4% một năm (1/1/2022: 3,9% đến 5,2% một năm).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	30/6/2022					1/1/2022				
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ/ Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ/ Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào:</b>										
Công ty con										
• Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Không áp dụng	100%	200.000.000.000	-	(*)	Không áp dụng	100%	200.000.000.000	-	(*)
Công ty liên kết										
• Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	2.402.400	20,00%	7.000.000.000	-	22.222.200.000	2,402,400	20,00%	7.000.000.000	-	25.837.812.000
Đơn vị khác										
• Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	1.891.807	9,46%	13.980.715.400	-	(*)	1,891,807	9,46%	13.980.715.400	-	(*)
			<u>220.980.715.400</u>	-				<u>220.980.715.400</u>	-	

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Không có biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 phản ánh các khoản tiền gửi dài hạn tại ngân hàng có kỳ hạn trên 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND và được hưởng lãi suất năm là 5,2% một năm.

**8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	5.106.087.360	1.583.934.000
Các khách hàng khác	39.781.689	14.377.889
	<hr/> 5.145.869.049	<hr/> 1.598.311.889

**(b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	5.106.087.360	1.583.934.000
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	-	13.186.800
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**9. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu về lợi nhuận và cổ tức được chia	64.512.144.806	23.987.147.140
Phải thu lãi tiền gửi	3.843.872.728	2.092.922.490
Phải thu khác	418.888.012	212.883.369
	<hr/> 68.774.905.546	<hr/> 26.292.952.999



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Hàng tồn kho**

	30/6/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	237.319.000	-
Nguyên vật liệu	7.532.207.428	-	8.308.634.112	-
Công cụ dụng cụ và phụ tùng thay thế	3.785.865.967	(793.467.310)	2.883.862.021	(786.045.982)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.459.011.247	-	9.777.659.151	-
Thành phẩm	5.599.935.444	-	4.790.007.489	-
Hàng hóa	-	-	248.635.950	-
	27.377.020.086	(793.467.310)	26.246.117.723	(786.045.982)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Số dư đầu kỳ	786.045.982	1.029.677.199
Dự phòng trích lập trong kỳ	152.146.840	-
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(144.725.512)	(192.187.463)
Số dư cuối kỳ	793.467.310	837.489.736

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

**Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Thiết bị quản lý VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	68.669.251.897	425.423.994.563	8.994.977.615	10.212.433.933	513.300.658.008
Tăng trong kỳ	-	700.000.000	-	-	700.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	12.445.945.455	-	-	12.445.945.455
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>68.669.251.897</b>	<b>438.569.940.018</b>	<b>8.994.977.615</b>	<b>10.212.433.933</b>	<b>526.446.603.463</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	35.243.245.861	262.376.592.528	6.485.168.129	8.260.241.199	312.365.247.717
Khấu hao trong kỳ	1.851.174.109	16.417.233.204	371.051.361	394.939.596	19.034.398.270
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>37.094.419.970</b>	<b>278.793.825.732</b>	<b>6.856.219.490</b>	<b>8.655.180.795</b>	<b>331.399.645.987</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	33.426.006.036	163.047.402.035	2.509.809.486	1.952.192.734	200.935.410.291
Số dư cuối kỳ	31.574.831.927	159.776.114.286	2.138.758.125	1.557.253.138	195.046.957.476

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 62.681 triệu VND (1/1/2022: 58.803 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Bất động sản đầu tư**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	4.011.843.370
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	1.417.517.966
Khấu hao trong kỳ	80.236.866
Số dư cuối kỳ	1.497.754.832
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	2.594.325.404
Số dư cuối kỳ	2.514.088.538

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý.

**13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2022</b>	<b>30/6/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	8.741.261.818	2.727.273
Tăng trong kỳ	4.123.958.110	55.776.212
Chuyển (sang)/từ tài sản cố định hữu hình	(12.445.945.455)	510.909.091
Số dư cuối kỳ	419.274.473	569.412.576



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Tiền thuê đất trả trước VND</b>	<b>Bao bì luân chuyển VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu kỳ	11.157.361.999	1.736.797.012	1.870.900.033	14.765.059.044
Tăng trong kỳ	-	-	224.101.505	224.101.505
Phân bổ trong kỳ	(232.737.324)	(335.925.000)	(304.978.043)	(873.640.367)
Số dư cuối kỳ	10.924.624.675	1.400.872.012	1.790.023.495	14.115.520.182

**15. Phải trả người bán ngắn hạn****(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	<b>Giá gốc/Số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>30/6/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
Công ty TNHH Chế biến Lương thực Trường Thắng	498.962.400	175.000.000
Công ty TNHH Sopura Đông Nam Á	252.494.000	369.519.260
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Anh Châu	247.902.120	443.007.081
Các nhà cung cấp khác	1.744.571.510	5.201.795.291
	2.743.930.030	6.189.321.632

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	21.945.000	-
<b>Công ty con</b>		
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	-	5.830.000
<b>Các bên liên quan khác</b>		
Công ty TNHH Cơ khí Sa Be Co	100.872.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	1.624.691	-

Số dư đầu kỳ của khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ, công ty con và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

**16. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2022 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/cán trừ trong kỳ VND	30/6/2022 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	20.521.050.870	81.004.600.054	(90.262.654.124)	11.262.996.800
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.946.145.575	2.387.406.871	(2.411.030.272)	1.922.522.174
Thuế giá trị gia tăng	2.158.525.785	17.583.390.906	(11.097.259.496)	8.644.657.195
Thuế thu nhập cá nhân	412.733.250	1.118.006.672	(1.044.947.261)	485.792.661
Thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	25.038.455.480	102.096.404.503	(104.818.891.153)	22.315.968.830

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Cổ tức phải trả	4.218.677.808	4.316.312.808
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	707.173.600	628.743.320
Phải trả khác	2.311.479.619	2.374.676.583
	7.237.331.027	7.319.732.711

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Số dư đầu kỳ	9.383.610.945	10.631.497.361
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 20)	1.471.605.524	3.413.257.312
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	(3.839.567.192)	(2.220.859.635)
Sử dụng trong kỳ	(2.474.846.392)	(5.347.440.365)
Số dư cuối kỳ	4.540.802.885	6.476.454.673

**19. Dự phòng phải trả dài hạn**

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Số dư đầu kỳ	3.633.513.972	3.730.116.064
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(15.729.680)	-
Số dư cuối kỳ	3.617.784.292	3.730.116.064



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	145.000.000.000	177.711.446.954	277.904.869.210	600.616.316.164
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	57.390.864.908	57.390.864.908
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(43.500.000.000)	(43.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	(3.413.257.312)	(3.413.257.312)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	2.220.859.635	2.220.859.635
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(295.221.305)	(295.221.305)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	(21.818.288)	(21.818.288)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2021</b>	145.000.000.000	177.711.446.954	290.286.296.848	612.997.743.802
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	35.628.590.718	35.628.590.718
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(21.750.000.000)	(21.750.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.917.156.272)	(2.917.156.272)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	(23.881.258)	(23.881.258)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	145.000.000.000	177.711.446.954	301.223.850.036	623.935.296.990
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	60.901.170.934	60.901.170.934
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(21.750.000.000)	(21.750.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	(1.471.605.524)	(1.471.605.524)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	3.839.567.192	3.839.567.192
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(196.043.757)	(196.043.757)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	55.427.358	55.427.358
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>	145.000.000.000	177.711.446.954	342.602.366.239	665.313.813.193

## Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

### 21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2022 và 1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2021.

### 22. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 22 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt cổ tức cho các cổ đông là 43.500 triệu VND (tương đương 3.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021, trong đó 21.750 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong kỳ 2021 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021: Đại hội đồng Cổ đông quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 72.500 triệu VND (tương đương 5.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020, trong đó 29.000 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2020).

### 23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	754.191.530	738.247.699
Từ hai đến năm năm	2.216.853.995	2.430.989.630
Sau năm năm	4.061.346.111	4.083.611.324
	<hr/>	<hr/>
	7.032.391.636	7.252.848.653
	<hr/>	<hr/>

**(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	1.234.894.545	-
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	852.000.000	3.704.683.637
	<hr/>	<hr/>
	2.086.894.545	3.704.683.637
	<hr/>	<hr/>

**(c) Tài sản nhận giữ hộ các bên thứ ba**

	<b>Đơn vị</b>	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
Chai bia Sài Gòn 355 và 450	Chai	1.755.821	1.891.920
		<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	92.066.023.616	123.952.994.152
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	173.070.623.670	234.665.241.920
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(81.004.600.054)	(110.712.247.768)
▪ Cung cấp dịch vụ	126.000.000	331.693.000
▪ Doanh thu khác	3.339.891.964	2.708.674.526
	<hr/>	<hr/>
	95.531.915.580	126.993.361.678

**26. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Giá vốn thành phẩm đã bán	80.040.535.679	107.173.819.018
▪ Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	82.843.248	241.274.426
▪ Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7.421.328	(192.187.463)
▪ Giá vốn khác	887.807.133	83.320.055
	<hr/>	<hr/>
	81.018.607.388	107.306.226.036

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	50.716.804.666	45.031.690.635
Lãi tiền gửi	4.399.360.628	3.239.902.778
Doanh thu tài chính khác	1.182	1.115
	<b>55.116.166.476</b>	<b>48.271.594.528</b>

**28. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	3.679.372.109	4.652.508.594
Chi phí khấu hao	183.151.458	338.789.488
Chi phí dịch vụ mua ngoài	525.366.979	4.247.625
Chi phí quản lý khác	1.640.490.245	2.180.626.230
	<b>6.028.380.791</b>	<b>7.176.171.937</b>

**29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	42.923.182.099	61.726.155.465
Chi phí nhân công và nhân viên	11.372.707.896	15.083.199.598
Chi phí khấu hao và phân bổ	19.114.635.136	19.324.892.280
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.320.114.482	7.848.745.314
Chi phí khác	8.316.348.566	10.499.405.316

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**30. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	1.922.522.174	2.899.995.955
Điều chỉnh chi phí thuế của những kỳ trước	464.884.697	10.643.940
	<hr/>	<hr/>
	2.387.406.871	2.910.639.895
	<hr/>	<hr/>
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	390.016.805	283.787.348
	<hr/>	<hr/>
	2.777.423.676	3.194.427.243
	<hr/>	<hr/>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	63.678.594.610	60.585.292.151
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	12.735.718.922	12.117.058.430
Chi phí không được khấu trừ thuế	66.066.666	73.063.000
Thu nhập không bị tính thuế	(10.143.360.933)	(9.006.338.127)
Điều chỉnh chi phí thuế của những kỳ trước	464.884.697	10.643.940
Điều chỉnh khác	(345.885.676)	-
	<hr/>	<hr/>
	2.777.423.676	3.194.427.243
	<hr/>	<hr/>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2022</b>	<b>30/6/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn</b>		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	173.070.623.670	234.665.241.920
Trả lại hàng mua	864.840.000	-
Mua nguyên vật liệu	33.858.785.124	46.059.492.805
Cổ tức đã trả	11.092.500.000	22.185.000.000
<b>Công ty con</b>		
<b>Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn Sóc Trăng</b>		
Phân phối lợi nhuận từ công ty con	48.824.997.666	43.139.883.635
Bán nguyên vật liệu	711.803.960	-
Mua nguyên vật liệu	15.000.000	-
<b>Công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu</b>		
Bán nguyên vật liệu	-	30.128.000
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô</b>		
Cổ tức được chia	1.891.807.000	1.891.807.000
Bán nguyên vật liệu	1.794.000	-
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn</b>		
Phí sử dụng bao bì	1.504.344	301.142.000
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung</b>		
Mua nguyên vật liệu	-	1.791.600.000
<b>Công ty TNHH Cơ khí Sa Be Co</b>		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	101.400.000	-
<b>Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn Sông Hậu</b>		
Mua hàng hóa	368.771.302	164.321.200
<b>Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn Sông Tiền</b>		
Mua hàng hóa	-	194.803.400

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
<b>Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương</b>		
Mua hàng hóa	57.047.500	57.078.000
<b>Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây</b>		
Mua hàng hóa	75.876.000	58.868.000
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
<i>Thù lao</i>		
Ông Neo Gim Siong Bennett	65.000.000	65.000.000
Ông Trần Nguyên Trung	45.500.000	45.500.000
Ông Phạm Đình Hùng	45.500.000	45.500.000
Ông Nguyễn Văn Đồi	45.500.000	45.500.000
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc	45.500.000	45.500.000
<b>Ban Giám đốc</b>		
Lương, thưởng và các trợ cấp khác	1.999.384.815	2.087.020.543
<b>Ban Kiểm soát</b>		
Lương, thưởng và thù lao	362.859.728	374.794.057

**32. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	1.234.894.545	1.219.000.000

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**33. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Thông tin so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ngày 8 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Trương Thị Mỹ Hồng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa  
Giám đốc